

053

THERAVĀDA
HẢO NGUYÊN THÚY

NGHIỆP - BÁO

NGUỒN GỐC CỦA NGHIỆP. NGHIỆP LÀ GÌ ?

*(Phóng - dịch những bài Pháp của ĐẠI - ĐỨC
NARADA MAHA THERA thuyết tại Kỳ - Viên - Tự
Sài Gòn, ngày 24, 25-10 và 1, 2-11-1959)*

Giáo - Sư HỒ-ĐẮC-THĂNG

Phật Lịch 2505

Dương Lịch 1961

NGHIỆP – BÁO
NGUỒN GỐC CỦA NGHIỆP LÀ GÌ?

*(Phỏng – dịch những bài Pháp của Đại Đức Narada Maha
Thera thuyết tại Kỳ Viên Tự,*

Sài gòn, ngày 24, 25 – 10 và 1, 2 – 11 – 1959).

Giáo sư **Hồ Đắc Thắng**

Phật lịch 2505

Dương lịch 1961

NGHIỆP – BÁO

NGUỒN GỐC CỦA NGHIỆP LÀ GÌ?

(Phỏng – dịch những bài Pháp của Đại Đức Narada Maha Thera thuyết tại Kỳ Viên Tự,

Sài gòn, ngày 24, 25 – 10 và 1, 2 – 11 – 1959).

Nghiệp bắt nguồn ở đâu? Nói rằng giây phút trước lúc thọ thai thuộc nghiệp trước, khi thọ thai là nghiệp trước đã chuyển qua bào thai để tiếp tục trong kiếp này, đành. Nhưng nghiệp trước lại do nghiệp trước nữa, như vậy mãi mãi phẫn lên, đành. Nhưng phẫn như vậy đến chỗ nào khởi thủy, chỗ nào cái gốc, chỗ nào là bắt đầu? Không có nghiệp thì không có sanh, mà nếu không sanh tức là không có nghiệp. Như gà mái và trứng gà. Gà sanh ra trứng, trứng nở ra gà. Nếu không có trứng là không có gà, và nếu không có gà, tức không có trứng. Vậy bắt đầu gà sanh ra trứng hay trứng sanh ra gà? Cũng như nguyên do của hạt là cây, rồi nguyên do của cây là hạt. Vậy khởi thủy của hạt là gì?

Đó là bao nhiêu câu hỏi, chánh đáng thật, do sự thắc mắc của trí tuệ con người bao giờ cũng đòi hỏi cho kỳ được sự giải đáp để thỏa mãn.

Cũng như vấn đề nguồn gốc của sự sống. Sự sống từ đâu mà ra? Kỳ thủy, sự sống là gì? Ai ai cũng ước ao được nghe trả lời, ai ai cũng ước ao trả lời cho được. Giải đáp bằng khoa học không được thì trở qua bằng thần bí. Miễn là có giải đáp, thế là yên lòng.

Có thuyết chủ trương rằng sự sống do sự sống mà ra. Sự sống hiện tại do sự sống trước mà ra, và sự sống hiện tại là đi kế tiếp sự sống trước.

Đến đây ta bước vào một yếu điểm. Sự sống này do cái gì mà sanh ra sự sống kia? Nói cách khác, sự sống trước do cái gì mà sanh ra cái sống sau? Có người tin rằng trong việc này có sự can thiệp của một đấng Tạo hóa có thể tự mình sanh vạn vật, từ cái không làm ra cái có, mà chính đấng Tạo hóa không bị ai sanh ra. Luận về thuyết này, nhà triết học Schopenhauer có viết: “Nếu có vị thần nào nghĩ rằng mình từ trong hư vô mà ra thì vị thần đó cũng phải nghĩ rằng rồi đây mình cũng sẽ trở về hư vô. Vì trước đời sống là quá khứ vô tận, vậy sau đời sống cũng phải có một vị lai vô tận và trong cái hư vô ở quá khứ cũng như trong cái hư vô ở vị lai, vị thần ấy vẫn tồn tại. Đó là một lối tư tưởng quái dị.

Và lại nếu sanh là cái bước đầu tuyệt đối thì tử cũng sẽ là bước cuối cùng của tuyệt đối. Vậy nếu chủ trương rằng con người sanh ra là từ trong hư vô thì chắc chắn phải kết

luận luôn rằng tử là cái mức cuối cùng của tuyệt đối vì sau đó là hư vô.

Ở Tích Lan, một hôm, sau một thời Pháp thuyết trong một trường trung học, có một ông giáo sư đến hỏi bản tăng “vậy khởi thủy của vũ trụ là gì?”, bản tăng đáp:

- Tôi không biết, nhưng có lẽ nhờ ông tôi sẽ được biết.
- Khởi thủy của vũ trụ là Đấng Tạo Hóa
- Vậy Đấng Tạo Hóa ở đâu? Và Tạo Hóa là như thế nào?
- Tôi không biết.

Đoạn bản tăng mới kết luận: “Vậy thì ông với tôi cùng đứng chung trong một căn phòng tối om”.

Vậy tánh tò mò hay mơ ước một câu giải đáp thích đáng cho điều thắc mắc nó nung đốt lòng ta, ta có thể kết luận rằng phải có một Đấng Tạo Hóa toàn tri toàn năng đã sanh ra muôn loài và vạn vật. Và khởi thủy là Tạo Hóa? Nhưng tại sao ta không đặt một câu hỏi nữa tương tự rằng: Khởi thủy của tạo hóa là nguyên nhân của vũ trụ, vậy nguyên nhân của nguyên nhân là gì? Và ta có thể hỏi như vậy mãi không cùng.

Theo giáo lý của Đức Phật thì mọi vật trong vũ trụ đều thuộc bốn loại:

- 1- Loại có thủy có chung, có đầu có đuôi, như khi ta đóng xong một cái bàn, là bắt đầu có cái bàn, khi cái bàn hư nát là cái chấm dứt của cái bàn.
- 2- Loại có thủy mà không có chung, có đầu mà không có đuôi, như con số 1 là bắt đầu của số, nhưng ta có thể

đếm tới mãi mãi, không cùng tột bao giờ, cũng như ta chia số 10 cho số 3 cũng vậy.

- 3- Loại không thủy mà có chung, không có chỗ bắt đầu mà có chỗ chấm dứt, như hạt xoài chẳng hạn, hạt xoài là do cây xoài sanh ra, mà cây xoài này lại do cây xoài trước nữa, cứ vậy phẫn lên mãi không cùng là vô thủy, nhưng nếu ta đập nát hạt xoài, tức sẽ không có cây xoài nữa, vậy là hữu chung.
- 4- Loại không thủy và không chung, không chỗ bắt đầu mà cũng không chỗ cùng tận, như không gian, ấy là niết bàn.

Trong vũ trụ, vạn vật đều nằm trong bốn loại vừa kể. Vậy ta không lạ gì nếu cái nghiệp là vô thủy mà hữu chung.

Đã là hoàn toàn đặt cho mình một mục đích thực tế, căn cứ trên thực tại, Phật giáo không quan tâm đến vấn đề căn nguyên hay khai tịch của vũ trụ và vạn vật, vì vấn đề này không can hệ đến kiếp nhân sinh của chúng ta. Nó chẳng qua là một đòi hỏi của trí thức vị trí thức mà thôi. Đức Phật không đề cập đến cái nhân đầu tiên mà chỉ đề cập đến cái quả cuối cùng của kiếp sống ta, sau khi nhận thức rõ ràng cái thực tại. Đức Phật là một vị lương y, tìm biết căn bệnh rồi chỉ thuốc cho lành bệnh, chớ không quan tâm tìm biết tông tích gốc gác người bệnh. Biết tông môn người bệnh không giúp ích gì cho sự chữa bệnh.

Thuở nọ có một vị Tỳ khuru tên Mālunkyaputta cảm thấy cách giải thoát từ bậc của đức Phật rất chậm chạp bèn đến bạch với đức Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn, Ngài chưa

hề đề cập đến nguồn gốc của Nghiệp. Nếu Ngài không giải thích được cho tôi việc ấy, tôi sẽ từ bỏ đời tu sĩ của tôi để hoàn tục cho rồi”. Thân nhiên đức Phật hỏi: “Có phải người đi tu để biết nguồn gốc của Nghiệp không?”. Thầy Tỳ khuru đáp: “Bạch đức Thế Tôn, không”. Đức Phật bèn dạy thầy Tỳ khuru không nên tốn công, lãng phí thì giờ quý báu vì những chuyện vu vơ ấy. Chẳng những không lợi ích mà còn hại đến sự tinh tấn tinh thần. Đoạn đức Phật thuật cho Mālunkya-putta nghe chuyện anh chàng bị mũi tên độc bắn vào tay mà không cho ai rút mũi tên ra trước khi kể cho anh ta biết tông tích kẻ bắn. Đức Phật nói tiếp: “Cũng y như vậy, người nào nói: Tôi sẽ không theo Như Lai để sống đời đạo hạnh và mong được giải thoát ngày kia nếu không được nghe Như Lai giải thích tường tận nguồn gốc của nghiệp, người ấy sẽ chết trước khi được Như Lai đề cập đến. Này, Mālunkya-putta, nếu người tin rằng Nghiệp có nguồn gốc, điều đó có giúp cho đời đạo hạnh và sự giải thoát của người không?” – Bạch Đức Thế Tôn, không. “Nếu người tin rằng Nghiệp không có nguồn gốc, điều đó có giúp cho đời đạo hạnh và sự giải thoát của người không?” – Bạch Đức Thế Tôn, không. – Trái lại, dầu nghiệp có nguồn gốc hay không có, điều chắc chắn là đời ta có sanh, có lão, có tử... Đó là việc quan trọng và ta chỉ đường lối làm cho những đau khổ phiền não đó tiêu diệt đi, được đến nơi sáng suốt và yên vui, há chẳng phải là hữu ích hơn ư?

Phật giáo không lấy sự giải thích hay giải quyết tất cả các vấn đề siêu thực hoặc vấn đề khai tịch và căn nguyên của vũ trụ làm trọng tâm, cũng không đòi hỏi hoặc bắt buộc người theo giáo lý của đức Phật phải hiểu như thế nào về

nguồn gốc của Nghiệp, của không gian, thời gian cùng là vũ trụ. Giáo lý nhà Phật là một giáo lý thực dụng căn cứ trên thực tại, nhắm mục phiêu thực tế. Nhận định nhân sinh hữu khổ thì Phật chỉ con đường đi đến diệt khổ. Khổ là thực tại, phương châm diệt khổ phải thực tế, thoát ly khổ cũng phải là cứu cánh thực tiễn. Ngoài ra là những câu chuyện vui trí mà thôi, khôngbổ ích cho đời sống đạo hạnh là phải đưa về diệt khổ. Trái lại, Phật giáo khuyến khích ta phải mở trí ta ra ngày càng sáng suốt, phải nhận thức rõ ràng cái thực trước mắt ta là kiếp sống của ta nó như thế nào, để ta tự giác ngộ sự thực ấy để tự giải thoát lấy, để bước lên ra ngoài cái dòng luân lưu của Nghiệp mà không quan tâm đến căn nguyên của Nghiệp làm gì cho bận tâm thêm.

Giả như ta biết chắc rằng “X” là nguồn gốc của Nghiệp, sự hiểu biết đó có đem ta đến gần mục phiêu chính của ta là giải thoát không, hay nó chỉ thỏa mãn trí tò mò, lòng thắc mắc do trí ta tạo ra thôi? Thỏa mãn, như cuộc chơi cờ, ăn hay thua, cao hay thấp, kết cuộc cũng không ra khỏi bàn cờ. Ván cờ đời ta đang đánh, mục đích người hiểu rằng đánh cờ là quay quần phiền não trong khung cờ, mục đích ấy là làm sao chấm dứt lần cuộc cờ mơ mộng trong ăn thua cao thấp như thòi.

Thế thì cần gì ta phải mài miệt trí óc trong bao điều tìm kiếm viển vông. Dầu ta do loài thảo mộc sanh ra, hay do một đấng Tạo Hóa, hay một vị thần Brahma nào tạo ra, ta không thể nào phủ nhận một điều hiển nhiên là trong dòng kiếp dài đằng đẵng mà hiện kiếp ta là một đoạn, ta không

tránh khỏi sanh, tử, bệnh, lão... là cái thực. Trong cuộc phiêu lưu vô tận mà ta cùng vô lượng chúng sanh đang cơ cực lang thang đây, ta phải làm thế nào cho cái trò phiền não này biến thành một trạng thái an vui, bước lên đến nơi siêu thoát.

Vậy ta không cần biết nguồn gốc của Nghiệp mà chỉ phải biết Nghiệp là gì.

Như sẽ nói ở các đoạn sau, Phật giáo giải thích rằng sự chênh lệch sai biệt giữa muôn ức người trong xã hội về thể xác, tính tình, trí tuệ, nét na đều do chỗ sai khác trong nghiệp của mỗi người. Tuy nhiên, Phật giáo chỉ nói rằng nghiệp chướng là một trong những nguyên do chánh của sự sai khác chênh lệch vừa nói trên, chớ Phật giáo không nói Nghiệp là nguyên do duy nhất, do đó tất cả cái gì cũng do Nghiệp mà ra. Lý Nghiệp báo chỉ là một trong 24 nhân duyên (Paccaya) mà thôi. Nếu lý Nghiệp báo là hoàn toàn chi phối đời ta, thì nghiệp báo há chẳng phải là đồng nghĩa với cái mà ta kêu là số phận, vận mạng rồi hay sao? Và như thế thì quyền tự do chuyển nghiệp của ta từ kiếp này và kiếp sau còn gì? – Lý Nghiệp báo không phải là một vị thần linh bất khả cưỡng đã sắp đặt trước mạng định của ta mà dầu muốn dầu không ta không thể nào thay đổi. Nhất định không. Vậy ta không nên lấy Nghiệp báo làm chỗ dựa rồi mỗi mỗi đều gán cho nghiệp báo. Trong Đối Pháp Luận (Abhidammavatara) có phân biệt 5 định luật hay 5 lịch trình (Niyāma) chi phối sự tiến triển vật chất và tâm lý:

- 1- Utu niyāma là định luật liên quan đến sự tiến triển của các vật chất không có cơ thể (inorganique) như hiện

tượng gió mưa, thời tiết. Như xuân đã qua thì hạ đến, thu rồi đến đông. Hạ thì nóng, Đông thì lạnh, nguyên nhân của gió mưa, tánh chất nhiệt – hàn... Mai, liên, cúc, đào, tuần tự đua nở theo xuân hạ thu đông, xoay tròn như cây kim đồng hồ... Định luật này có máy móc không? Nó có tính chất bất cưỡng đối với ta không? Thật ra, nhờ sự luyện tập cơ thể ta cũng có thể thoát ra khỏi vòng chi phối của nó. Như mùa đông, trời lạnh buốt xương mà có hạng người nhờ luyện tập mà họ có thể nằm trần trong tuyết. Cũng như có người tập đi trên lửa, tắm nước sôi mà không hề gì.

- 2- Bija niyāma là định luật chi phối sự tiến triển của những vật chất hữu cơ (organique) như cây cỏ, những vật có tế bào. Do định luật này thì dòng nào sanh giống ấy: lúa do hạt lúa mà ra; vị ngọt do đường, mía, mật ong mà ra;... luật âm dương, trồng mái, tế bào và phân tử genes trong việc thọ thai cũng do định luật này chi phối. Bija Niyāma cũng không phải là một định luật máy móc, bất cưỡng. Ta có thể xoay chuyển, kiểm soát nó được. Như trong thuật trồng tỉa, ta có thể chấp cành cây này qua cây kia để đổi phẩm hoặc lượng của giống. Định luật Mendel cũng thuộc vào định luật này một phần (loi de Mendel).
- 3- Kamma niyāma là định luật hành và quả hay nhân quả. Nhân gieo thì quả trở. Nhân lành đem lại quả tốt, nhân ác đem lại quả xấu. Đó là sự tự nhiên phải trở sanh như vậy chớ không phải thường hay phạt. Kamma Niyāma tự nhiên nó tác động mà không cần sự kích thích, muốn hay không muốn bên ngoài. Đây

là định luật chung của vạn vật trong vũ trụ. Ta thường nói thủy lưu tại hạ, bởi chất nước là luôn luôn kiếm cho được quân bình bằng phẳng. Luật nhân quả cũng vậy, đã có nhân thì do lý nghiệp báo, quả phải trở ra như trả lại cho quân bình, không thể tránh được, cũng như không thể tránh cho nước chảy xuống chiều thấp trước khi nó đến mức quân bình, nó vận chuyển tự nhiên như sự xoay vần của mặt trời, mặt trăng vậy. Cũng như hai định luật trên, Kamma Niyāma không phải là một định luật bất cưỡng: ta có thể chuyển hướng cho nó được. Tuy rằng trên thế gian này cũng như trong Sa bà thế giới không có một nơi nào ta tránh khỏi tác động của nghiệp báo nhưng ta cũng không phải thọ lãnh trọn vẹn những cái gì ta đã mang theo trong nghiệp ta. Nhờ sự luyện tập, tu tâm dưỡng tánh mà một người vốn là đê hèn độc ác cũng có thể trở nên một người đạo hạnh thanh cao. Luôn luôn ta đang trở thành một cái gì, và cái gì ấy như thế nào là tùy nơi hành động, tư tưởng của ta. Mỗi lúc ta có thể trở nên tốt hơn hay xấu hơn. Dẫu người tội lỗi nhất cũng không nên tuyệt vọng. Dẫu người có được đạo hạnh nhất cũng không nên ầu thả ý lại. Tốt hay xấu chỉ là một mức trở thành do hành động và tư tưởng mà thôi. Trở thành đường nào đều cũng có thể trong nháy mắt. Ai tốt hơn ai, xai xấu hơn ai, ai dám biết được? Ai biết được nghiệp mình đã tàng trữ bao nhiêu xấu, bao nhiêu tốt. Nếu suy theo hành động hiển hiện mà ta có thể đoán ngay cái quả, thì ai dám nghĩ rằng một người như Angulimalā là một tên giết người

không góm tay lại đắc được quả Alahán. Quả tốt này là nhân tốt ở kiếp trước của Angulimalã. Dọa xoa Alavaka, vua Asoka đều là những người tội ác, mà chính họ đã chuyển được nhân xấu ra quả tốt, nhờ ý chí của tâm họ xoay được chiều như thế. Vậy ta có thể chuyển định luật Kamma Niyāma do sự tu tập của ta.

4- Dhamma niyāma là định luật của qui phạm, như những hiện tượng xảy ra khi một vị Bồ tát trở lại tâm phàm: như hấp dẫn lực, nhẹ bay lên, nặng rơi xuống, nhẹ hút vào nặng, nặng đẩy nhẹ, dị chất phản ứng, như âm dương phản ứng mà cảm sanh dịch hóa trong 64 quả trong Bát Quái theo Dịch Kinh... và các định luật khác tương tự trong trời đất, đều nằm trong định luật này. Cũng như 3 định luật trên, Dhamma Niyāma cũng có thể chuyển được. Thuật nhu đạo của người Nhựt cũng là một cách áp dụng và chuyển chiều định luật này. Đạo ăn lành ở phải mà có được mãnh lực bất ngờ cũng là vào phạm vi Dhamma niyāma.

5- Cittā niyāma là định luật tâm lý, như lịch trình diễn tiến của tâm thức, sự sanh, sự diệt của tâm niệm, những cơ cấu tác động của tâm linh. Những hiện tượng của thần giao cách cảm, dự giác, hồi thức, huệ nhãn huệ nhĩ, tha tâm thông... đều nằm trong Cittā niyāma cả. Chắc chắn ở đây ta đã thấy, ta có thể chuyển Cittā niyāma được không, được.

Như đã giải trên và 5 định luật Niyāma vừa kể, thì tất cả hiện tượng vật chất, tâm lý, luân lý, đổi chuyển được cùng chằng, ta có thể dùng một trong 5 định luật này mà giải thích. Vậy thì Nghiệp báo là một trong 5

định luật này thuộc Kamma niyāma chi phōi vạ vật trong vũ trụ.

Và cũng như các luật thiên nhiên khác trong trời đất, luật nghiệp báo, nhân quả, không ai bày nó ra nó mới có. Nó có tự nhiên và tác động của nó cũng tự nhiên theo luật tuần hành tác động của nhân và quả. Nó là phi thiện phi ác. Điều ta cần nhấn mạnh là ta có thể chuyển chiều cho nó tùy hành động của ta. Đó là điều chính, là điểm tự do hoàn toàn của ta làm chủ hành động và tư tưởng của ta.

Vậy khi ta hỏi: nguồn gốc của nghiệp ở đâu, thì khác nào ta hỏi: nguồn gốc của hấp dẫn lực ở đâu? Nguồn gốc của điện ở đâu? Nên ta chỉ cần biết nghiệp là gì hơn là biết chỗ bắt nguồn của nghiệp.

Vậy nghiệp là gì?

Nghiệp báo tiếng Pali gọi là Kamma, tiếng Sanscrit gọi là Karma, là lý nhân quả. Nghiệp báo và tái sinh là hai giáo lý căn bản của nhà Phật. Cả hai đều liên quan mật thiết với nhau. Đúng ra, sự tin tưởng về nghiệp báo và tái sinh đã có từ trước thời đức Phật, nhưng chính đức Phật đã giảng giải ra rõ ràng và tinh tiết hơn.

Nếu phải giải thích rộng ra, nghiệp là hành động, mà trước hết và là điều quan trọng, nghiệp là do tâm, tức ý muốn của tâm tốt hay xấu, lành hay dữ, trong hay đục, chính tâm tạo ra nghiệp. Nếu không có tâm trong việc làm thì không có nghiệp. Thí dụ như cây kim đồng hồ chạy, cánh quạt quay, không phải cái nghiệp làm cho hai vật này cử động. Vì trong

đồng hồ, trong quạt máy không có tâm, nghĩa là không có ý muốn. Vậy những vật vô tri vô giác như cỏ cây, bàn ghế... không có tâm, tức là không có nghiệp.

Nghiệp tốt hay xấu tùy theo tâm tốt hay xấu chính là chỗ khởi điểm ý muốn, nguyên do ý muốn, nó là động lực đẩy ý muốn đến hành động hoặc lời nói, hoặc tư tưởng tốt hay xấu, dầu là thân, khẩu hay ý cũng vậy. Một hành động vô tâm, không có ý muốn trong đó không tạo nghiệp vì thiếu cái tác ý (hành) tức là động tác của tâm. Trong kinh Anguttara Nikāya có ghi lời Phật dạy: “Hành là nghiệp, có muốn người ta mới hoạt động bằng thân, bằng lời nói, bằng ý... Như khi ta thắp cây đèn cho sáng trong nhà, bao nhiêu con thiêu thân bu vào rồi chết. Nếu không có người đốt đèn thì bầy thiêu thân đâu có chết, như thế thì chính người đốt đèn làm chết bầy thiêu thân. Người đốt đèn đã gây ra cái chết cho bầy sanh linh đó, có phải chịu trách nhiệm không? Không. Vì không có tâm, không có ý muốn làm chết con vật trong việc đốt đèn. – Một đứa nhỏ ném viên đá lên trái xoài để xoài rụng lượm ăn, rui lúc ấy có con chim đậu bên cạnh bị trúng chết. Đứa trẻ không quyết tâm giết chim, tức không phạm sát sanh, tức không tạo nghiệp. Vậy hành là động tác của tâm, và tâm là nguyên do tạo nghiệp, trong tất cả chúng sanh, trừ phi trường hợp chư Phật và Alahán là các bậc đã hoàn toàn thoát ngoài việc thiện ác và đã diệt trừ tận gốc nghiệp căn.

Có tôn giáo cũng chủ trương có nghiệp báo, nhưng không nhìn nhận vai trò chủ động của tâm trong hành động, tức là trong nghiệp. Đối với một quan niệm như vậy thì giết

người là một tội ác, vậy tâm có giết hay vô tâm cũng là giết người, và cùng phạm một tội ác bằng nhau. Cũng như sờ tay vào lửa là phỏng tay, thọc tay vô nước thì lạnh. Có tâm hay vô tâm, phỏng tự nhiên phỏng, lạnh tự nhiên lạnh, không hơn không kém. Đó là định luật tự nhiên. Đã có giết người, dù có tâm hay vô tâm, kết quả như nhau là có người đau khổ, có người chết. Luận như vậy thì nếu ta mượn tay một người khác giết một người, ta có chịu trách nhiệm không? Theo lối so sánh trên kia, nếu ta làm cho người khác sờ tay vào lửa, thọc tay vô nước, thì người ấy bị phỏng bị lạnh, chớ riêng ta có hề gì. Vậy nếu ta bảo người khác hạ thủ sát nhân thì người ấy bị mang tội chớ riêng ta có dính líu gì đến. Hơn nữa, người cố tâm sờ tay vào lửa có thể bị phỏng ít hơn người vô tình rủ ro. Theo luận lý ấy thì người cố tâm giết người, mưu chước giết cho được, lại phải chịu ít tội hơn là người rủ ro làm chết kẻ khác có thể bằng vết thương nặng hơn. Luận như vậy là đi vào lối bí.

Trái lại, Phật giáo chủ trương trong vấn đề trách nhiệm, nghĩa là trong vấn đề tạo nghiệp, chủ yếu là cái tâm. Tất cả tư tưởng, lời nói, hành động đều do tâm, Phật ngôn có câu: “ Chính cái tâm dẫn dắt, lôi cuốn thế gian và chính con người làm chủ cái tâm ấy”. Thật vậy, bao nhiêu đau khổ hay hạnh phúc của nhân loại tự cổ chí kim đều do tâm người tạo ra cả.

Ta hành động với ác tâm, thì kết quả là sự đau khổ sẽ đến cho ta như mỗi bước của con bò bước tới là kết quả bánh

xe bò lăn qua một đoạn. Ta hành động với tâm lành, sự an vui sẽ đến cho ta như bóng tùy hình.

Trong trí hiểu của trẻ con lên ba, lên bốn, nghiệp là gì? Khi mẹ bảo con: “Con ngoan, con dễ dạy thì ai nấy đều cưng con; con không ngoan, khó dạy thì ai cũng không ưng con”. Đó là nghiệp cho chúng.

Ta hiểu rằng: ta gieo gì ta sẽ gặt ấy, gặt ở đây hay gặt ở chỗ khác, lúc này hay lúc kia. Khi bị đau khổ, ta chắc rằng trong quá khứ gần hay xa ta đã làm ai khổ; khi ta được hưởng an vui, ta chắc rằng lúc nào trước đây ta đã làm an vui cho ai đó.

Điều ta phải nhớ kỹ là nghiệp không phải do hành động trong quá khứ của ta tạo ra mà thôi. Nghiệp của ta ngày nay là tổng hợp nghiệp quá khứ với nghiệp hiện tại ta đã và đang tạo trong kiếp này đây nữa.

Cái tiền nghiệp từ bao kiếp trước đưa lại cho ta, ta phải lãnh trọn, dầu muốn dầu không lãnh như một tài sản bắt buộc để cộng vào với gia tài hiện nghiệp. Mà cái hiện nghiệp trong kiếp người của ta ngày nay khác hơn tiền nghiệp là chỗ ta hoàn toàn làm chủ nó, có trọn quyền chuyển về đâu tùy ý muốn ta, tùy tâm ta. Giả sử, trong kiếp trước, nếu ta giác ngộ và có đủ phương tiện và cơ hội như kiếp này thì đã làm chủ nghiệp ta hồi ấy, mà hồi ấy cũng là hiện tại của đoạn thời gian đó. Trong mỗi giai đoạn vô lượng kiếp trước là mỗi hiện tại hành nghiệp. Chư Phật đã lợi dụng những giai đoạn hiện tại đó mà chuyển nghiệp về hướng sáng suốt, giác ngộ tiêm

tiệm diệt dứt vô minh. Vậy thì nghiệp của ta trong hiện tại này là riêng của ta, không chia sẻ cho ai được. Nó như thế nào là do ta, nó sẽ như thế nào cũng do ta, cũng như nó đã như thế nào mà để ra cái hiện nghiệp ta đang nắm đây như phần di sản. Chính ta tạo thiên đàng cho ta, ta tạo địa ngục cho ta. Mà cũng chính ta phá tan địa ngục và thiên đàng đó chứ không ai ngoài ta làm được. Không lý do, không nguyên do nào ngoài ta khiến ta phải hành thiện hay hành ác. Chỉ do ý muốn của ta đi về sa đọa trầm luân hay hướng về nơi giải thoát cho ta, nó là động cơ khiến chuyển hành động và tư tưởng ta, nghĩa là nghiệp ta mà thôi. Vậy cũng do ta đổi địa ngục thành thiên đàng hay đổi thiên đàng thành địa ngục, tùy ý ta.

Vậy cái mà ta gọi là “Ta” là cái gì? Chắc chắn không phải chỉ cái xác thân cao thấp, mập ốm đây thôi, phía trong còn có cái tâm. Vậy “Ta” là sắc là tâm kết thành, chi phối bởi lực kích thích nội giới và ảnh hưởng ngoại cảnh. Phàm đã làm chỗ tác động cho kích thích, tức là thọ cảm rồi do đó cái vô minh bao bọc, không thể nhận chân sự vật, đó là miếng đất dọn sẵn cho nghiệp thức mọc lên mỗi ngày mỗi rậm thêm. Dĩ nhiên, có thức là có phân biệt đúng hay sai, tốt hay xấu, cao hay thấp, rồi sanh ra khả ái, khả ố, vui buồn, thương ghét, ham muốn, chán chê... Thế là thức biến thành vô lượng hiện tượng”. Vậy vô minh là điều kiện đầu tiên cho sự tăng gia chùng chất của nghiệp chướng, bao giờ ta còn quanh quẩn trong vô minh, không nhận thức được chân tướng của sự vật, ta hẳn còn gây giống cho nghiệp.

Như đã nói trên, ta tự tạo nghiệp cho ta, rồi ta thọ lãnh cái quả do nhận trong nghiệp ấy. Nhưng ta vừa thấy rằng cái “Ta” đây chỉ là tâm sắc hợp thành. Vậy thì người tạo nghiệp, nói cho đúng ra có phải là ta không? Và kẻ thọ nghiệp có phải là ta nữa không? Khi ta nói: chư thiên, người hay súc vật, khi ta nói “chúng sanh” là ta không hay rằng ta dùng những danh từ ước định (termes conventionnels) để trở những hiện tượng cụ thể mà tạm thời của nghiệp lực vô hình luôn luôn chảy liền nối như nhau trong những thể chất luôn biến đổi mà ta ảo kiến cho là những đơn vị bất biến. Như thế thì chúng sanh là tâm sắc phối hợp mãi mãi, thay đổi do thọ uẩn, tướng uẩn, hành uẩn, thức uẩn lôi cuốn. Lại cũng như thế thì không có một đơn vị cá nhân nào tạo nghiệp, cũng không có một vị cá nhân nào thọ cảm. Chỉ có hành uẩn, ý muốn là sự tạo nghiệp. Mà hành và thọ ở trong cái mà ta gọi là “Ta”. Người gieo, kẻ gặt không có, chỉ có những tâm trạng mà thôi. Trong Vissudhi Magga, đại đức Buddhaghosa viết: “Có nghiệp, nhưng không có kẻ tạo nghiệp; có báo, nhưng không có kẻ thọ... Chỉ có dòng nghiệp báo triển miên”.

Đại đức Buddhaghosa cũng nói: trong trường hợp của những uẩn hợp thành cái mà chúng ta gọi là cây (như cây xoài chẳng hạn), liền khi có một trái trở ra, chúng ta nói: cây có trái. Cũng thế, trong trường hợp của những uẩn được gọi là thiện, là nhân, khi một kết quả hạnh phúc hay đau khổ thành hình vào một lúc nào đó, thì thế tình bảo: vị thần ấy hay người ấy được vui sướng hay đang khổ sở. Nói như thế là sai, vì thật ra, không có kẻ gieo người gặt nào hết ngoài hành uẩn và thọ uẩn.

Thí dụ hai người đang nói chuyện với nhau, thoạt một người hỏi: “Anh tư tưởng hay tôi tư tưởng?”. Theo ông William James thì không có ai tư tưởng cả. Chỉ có sự tư tưởng về một cái gì đó là cái khách quan thể (object pensé) nghĩa là không có người tư tưởng. Và nếu người tư tưởng không có thì nghiệp chướng dùng trong điểm tựa nào để ký, để ghi, để chôn cất, tàng trữ?

Vua Milinda hỏi đại đức Na Tiên: “Bạch đại đức, nghiệp chướng trú ở đâu?” Đại đức Na Tiên đáp: “Tâu Hoàng thượng, không thể nói nghiệp chướng được lưu trữ ở một nơi nào trong cái thức biến dịch hay trong một bộ phận nào của thể xác. Tùy thuộc tâm và sắc, nó phát hiện khi duyên đến, cũng như những trái xoài kia, không thể nói là chúng được chứa đựng ở một chỗ nào đó trong cây xoài, mà phải nói chúng tùy thuộc cây xoài, khi mùa đến là chúng hiện ra”. (Trích trong *Từ Quang Nguyệt san*, số 104, trang 14 và 15, bài “Nghiệp lý” theo đại đức Narada Maha Thera)¹.

Ta đã thấy rằng nghiệp chướng là luật vô hình ta không thể nói nó được tích trữ ở nơi nào nhứt định trong thân tâm ta, vì nó tản mát không biết là đâu, dẫu nó hằng có và tăng bội luôn luôn. Điều chắc chắn là khi ta đã tạo ra nó, tức nó sẽ tạo ra ta nữa, và trong mỗi kiếp ta thấy ta mang nó theo triền miên trong vô lượng kiếp cho đến ngày ta diệt nó được. Một thí dụ: Một anh chưa biết đi xe đạp, ra phố mua một chiếc về tập đi. Đi được giỏi rồi một thời gian sau xe ấy hư.

¹ *Đoạn thêm của dịch giả.*

Anh mua một chiếc xe mới, cùng một hiệu, một cỡ, một màu, giống hệt xe trước. Nhưng thật ra xe sau không phải xe trước, vì rằng đối với anh, xe sau có hai phần: một phần cụ thể là chiếc xe, một phần vô hình là khả năng biết đi xe của anh, xe sau là sự phối hợp của xe trước với sự biết đi xe của anh mà anh đã tạo ra bởi xe trước. Khả năng ấy được tích trữ nơi nào trong người anh, không thể nói trước được, nếu nói là ở trong một bộ phận nào của chiếc xe lại càng sai nữa. Khả năng cỡi xe đã có, bây giờ bất luận xe nào khác, tốt xấu, mới cũ, mắc rẻ, vàng đỏ xanh trắng anh đều cỡi được cả. Và mỗi chiếc xe, mỗi lần cỡi xe là không phải chỉ xe đó với anh không, mà là sự phối hợp với nghề cỡi xe của anh nữa. Xác xe mỗi ngày mỗi hư thêm, nghề cỡi xe của anh mỗi ngày tăng giỏi thêm, xác xe hư bỏ càng nhiều thì thuật cỡi xe cũng nhiều kinh nghiệm chông chắt thêm, mà chông chắt nơi nào trong người anh, trong bộ phận nào trong xe, không thể biết được. Điều chắc là nếu anh không có khả năng cỡi xe của anh thì xe không có đối với anh, vì khả năng không chỗ tác động. Mà nếu không có khả năng cỡi xe trong thiên hạ, là nhứt định không có xe đạp, vì khả năng là nhân mà xe là quả. Khả năng ấy là nghiệp, xe là chúng sanh. Không có nghiệp là không có sanh, vì sanh là quả mà nghiệp là nhân vậy.

Ấy vậy, về phương diện ý thức, Phật giáo đã đặt ra vấn đề nghiệp báo trên lý nhân và quả, và chỉ rõ chủ động tạo nghiệp ấy là tâm thức ta. Đây là nhận xét căn bản, và từ đó mới đưa ra mục đích cuối cùng của con người là giải thoát cho mình do mình. Như vậy thì Phật giáo phát sinh ra từ vấn đề nhân sinh đã có, chú trọng về nhân sinh và chỉ lối thoát ly

cho kiếp sống mà hiện thời là kiếp nhân sinh. Ta có thể nói Phật giáo vị nhân sinh do nhân sinh, ích lợi thực tế cho nhân sinh, tự nhân sinh. Nếu đêm ngày quỳ lạy trước tượng Phật và van vái: “Xin Phật cứu tôi, lạy Phật cứu tôi” mà tự ta không làm gì Phật đã dạy liệu Phật có cứu được ta không? Một cậu học sinh trước khi đi thi, quỳ trước bàn Phật, van Phật giúp cho thi đỗ, mà cậu chỉ làm có bấy nhiêu, không tự cố gắng học hành cần mẫn, liệu Phật có giúp cậu thi đỗ không? Phật đã vạch rõ con đường đi đến giải thoát cũng như chương trình nhà trường có sẵn, thầy giáo chỉ dẫn mà thôi. Riêng phần ta, ta phải tự cố gắng để tự giải thoát, như cậu học sinh phải tự cố gắng để tự thi đỗ. Không ai ngoài mình làm cho mình được.

Phật ngôn có ghi: “Trong sạch hay không trong sạch đều do nơi ta”. Khi ta đau ốm, ta phải uống thuốc để lành bệnh, chớ ta không thể nói: nếu cái nghiệp của tôi là mạnh, tôi sẽ mạnh, nghiệp của tôi phải ốm là tôi ốm, bác sĩ không làm gì được. Nếu nói như vậy là tin nơi tiền định. Phật giáo nói không có tiền định, cũng như không có định mạng. Nghiệp không phải định mạng, cũng không phải tiền định, nghiệp là hành động (action), báo là cái quả, cái phản ứng của hành động ấy (reaction). Không có định mạng do một thần linh nào đã phán ra rằng phải như vậy, như vậy, và bắt buộc ta như định phải thọ lãnh mạng đó, đau khổ hay an vui. Chính hành động của ta nó gây ra phản động đó, và đó là một định luật tự nhiên: luật nhân và quả. Như vậy giáo điều nghiệp báo của nhà Phật khác hẳn với thuyết định mạng.

Thuyết định mạng cho rằng trên đời mọi việc đều có định đoạt trước ở đâu đâu, số mạng của mỗi người đều được ghi sẵn, tuyệt đối không ai sửa đổi được.

Thuyết tự do ngược lại, cho rằng trên đời mọi việc ta làm được tự do hoàn toàn thao túng, làm hay không làm.

Phật giáo không chủ trương một ý niệm tiền định tuyệt đối, mà cũng không tin có tự do hoàn toàn. Thí dụ như ta có trốn sự tự do sờ tay vào lửa hay không sờ tay vào lửa, nhưng khi đã sờ tay vào lửa là bị phỏng, ta không có tự do định đoạt phỏng hay không phỏng. Người trèo núi có trốn tự do trèo hay không trèo, nhưng lúc rủi trật chơn rơi xuống hố thì không tự do rơi hay không rơi. Đó là định luật vật lý ngoài ý muốn của ta. Tóm lại, ta không phải bị một định mạng tuyệt đối chi phối vì ta có tự do sờ tay vào lửa hay không sờ, trèo núi hay không trèo núi. Lại cũng không phải hoàn toàn tự do hành động ngoài định luật đã có, tự do chịu hay không chịu ảnh hưởng về kết quả của hành động ta. Nghĩa là ta vừa được tự do, vừa bị chi phối, nhưng không hoàn toàn bị chi phối cũng như không hoàn toàn được tự do. Nhưng chỗ chủ yếu là cái tự do được tuyệt đối sử dụng lại nằm ngay trong vấn đề gây nhân, tạo nghiệp. Định luật diễn ra ngoài tự do định đoạt của nó lại là cái quả nó phải trở ra đúng thời giờ của nó, ngoài ý muốn của ta. Quả tốt đồng như quả xấu, do nhân xấu hay tốt mà ta đã tự do gieo. Nhân quả là lý nhất định chi phối nghiệp vậy.

Giờ đây, ta nên tiếp luận về nghiệp báo một cách rộng hơn, ta nên đặt một vấn đề mà hàng ngày ta trông thấy trước

mất ta. Ấy là sự chênh lệch giữa vận ỨC sanh linh quanh ta. Tại sao có những sự chênh lệch quá rõ rệt trong xã hội nhân quần nó xảy ra thất thường đến nỗi ta cho là thường: Ta phải giải thích như thế nào cho bao điều chênh lệch ấy?

Cũng thời là con người, mà sao có người sanh ra giữa chốn giàu sang phú quý, còn người lại sanh ở nơi nghèo khổ khốn cùng? Tại sao người thì sanh thông minh, trí tuệ đầy đủ, còn người lại ngu tối đại dột suốt đời?

Tại sao có người sanh ra có được tâm hạnh thanh cao, còn kẻ lại với tâm hồn bản thiêu? Tại sao có người hiền kẻ dữ, kẻ thì hung ác sát nhân, người lại có tâm lành như thánh? Tại sao có những thần đồng trong hạng văn sĩ, nhạc sĩ, sử gia, toán gia... mà kẻ bên lại có đám người vô cùng độn đục? Tại sao có người sanh ra đẹp đẽ xinh tươi, còn người lại xấu xí dị thường? Tại sao có trẻ em được nâng niu yêu quý, còn có em lại bị hắt hủi bỏ bê? Tại sao hai đứa con sanh đôi, mặt mày mũi răng, tóc tai da thịt in hệt nhau, mà tâm tình mỗi đứa lại khác, đứa tối dạ, đứa thông minh, đứa hiền, đứa dữ?... Tại sao và tại sao? Biết bao nhiêu lần người ta đưa ra thuyết này thuyết nọ, khoa học có, xã hội có, dị đoan có, nhưng rốt cuộc cũng phải gác lại một bên, chưa làm thỏa mãn hoàn toàn.

Phải chăng là những điều chênh lệch ấy là do sự may rủi hay ngẫu nhiên mà ra? Riêng Phật giáo thì không nhìn nhận vấn đề may rủi bao giờ. Phật giáo chủ trương rằng trên thế gian này không có một điều gì xảy ra mà không có nguyên nhân, chỉ vì nguyên nhân nào ta thấy được cùng không thấy được. Quả vui, quả khổ mà ta đang gặt hái hiện

giờ đều sanh ra bởi những nhân đã tạo hoặc trong kiếp này hoặc trong một kiếp nào trước, nhưng chắc chắn là trong thời gian đã qua. Trong đời ta cũng có dịp chứng kiến được có hạng người nhờ có được cái khiêu khác thường, như tuệ giác chẳng hạn, họ thấy được những điều bí ẩn huyền vi trong quá khứ như nói trên, Phật giáo xác nhận điều này.

Ai cũng biết thánh Gandhi là nhân vật như thế nào, nhưng tại sao người như thế ấy lại phải thọ lãnh cái chết thê thảm đau thương như thế ấy? Ta ngần ngại rồi tự hỏi: sao lại có nhân hiền mà quả dữ? Là bởi vì tập quán, lý trí hiện thời của ta chỉ cho phép ta xem đời thánh Gandhi chỉ ở khoảng thời gian từ sanh tới chết ở đây mà thôi, đoạn trước vô lượng, là ngoài khả năng trí tuệ biện biệt của ta. Ở xã hội hiện thời có muôn ngàn trường hợp như vậy. Nếu ta phẫn ngược lại dòng lịch sử, lại còn hằng hà sa số các sự kiện tương tự. Ta chỉ lấy thí dụ cái chết của một vị Alahán, đệ tử của đức Phật là đại đức Mục Kiền Liên (Moggallāno), trọn đời Ngài không làm một điều sai, hà huống là một tội ác, thế mà tại sao Ngài phải chết vì một kẻ cướp nó đâm Ngài? Chỉ có đức Phật mới thấy được cái nhân trước kia làm sao mà sanh cái quả ngày nay như thế ấy. Rằng trong tiền kiếp, Mục Kiền Liên là con của cha mẹ mù mắt. Một hôm, vợ ông nói với ông rằng không thể nào sống chung mãi với hai người mù như thế này. Vậy một trong hai lẽ: hoặc anh chồng phải đuổi cha mẹ mù đi, hoặc chị vợ phải bỏ nhà chồng cho rảnh. Vốn ông chồng là một ông sợ vợ, lại bảm tính hung hăng ông nhất định đuổi cha mẹ ra khỏi nhà. Nhưng đuổi đi đâu, hai người mù quáng, đường sá làm sao, lại e còn tiếng đời phê phán.

Chị vợ mới thiết diệu kế cho chồng là đem giết quách đi là êm chuyện. Một hôm ông giả dạng kẻ cướp vào nhà, đổi giọng nói hay làm thế nào mà cha mẹ ông tưởng như kẻ cướp thật. Dẫn cha mẹ mù ra một khu rừng vắng để giết chết. Nhưng lòng cha mẹ thương con, dọc đường vói lại kêu con bảo con chạy trốn đi để khỏi tay tàn nhẫn của kẻ cướp. Lúc ấy con hồi hận, không nỡ ra tay, ông đổi giọng tự nhiên và thưa với cha mẹ rằng ông đã đánh đuổi thằng cướp chạy rồi, và đem cha mẹ trở về nhà (Có sách nói lại rằng Mục Kiền Liên đã giết thật cha mẹ trong rừng). Đó quá khứ là như vậy. Nhân đã gieo kiếp trước như thế nào, thì dầu muốn dầu không, quả nhứt định phải trở ra như thế, món nợ đã vay nhất định phải trả. Đại đức Mục Kiền Liên phải thanh toán món nợ kia cho xong, còn việc đắc quả của người là một quả khác do nhân khác. Trong kiếp người hiện tại của Ngài, Ngài khéo dùng hiện kiếp để chuyển nghiệp về đúng nẻo, dòng nghiệp mới nó tự nhiên phối hợp với đoạn nghiệp lành quá khứ, thế là cái quả cuối cùng tốt đẹp siêu thoát phải có vậy.

Thờ Đức Phật tại tiền, có một vị tỳ khuru mù mắt, khi ông đi kinh hành ông đạp phải nhiều con kiến chết. Có người thấy vậy lấy làm bất bình, cho rằng người đã tu hành còn sát hại sanh linh, mới đem câu chuyện bạch cùng đức Phật. Đức Phật bèn hỏi vậy chớ ông tỳ khuru kia có cố ý giết chết mấy con kiến đó không? Nếu ông tỳ khuru không cố ý đạp kiến thì ông không có trách nhiệm về cái chết của kiến, tức ông không tạo nghiệp do hành động ông. Nhân đó, đức Phật mới giải thích cho người đi thưa nghe tại sao ông tỳ khuru kia phải bị mù mắt. Số là trong kiếp trước kia ông là một vị lương y.

Một hôm, có một bà lão đến nhờ ông chữa mắt và bà hứa rằng khi bà lành bệnh bà sẽ cho đưa con của bà đến ở làm lụng trong nhà để đền ơn. Nhưng khi lành bệnh bà không giữ lời hứa. Ông lương y lấy làm tức giận, và khi gặp bà thì bảo bà lại ông cho thêm một món thuốc để trừ căn và cho sáng mắt thêm. Độc ác thay, thứ thuốc này đắp vào đôi mắt mắt mù luôn. Đó, bởi có ác ý làm đui một người trong một kiếp trước, nhân chẳng lành đã gieo, dòng nghiệp đã tự nhiên ghi, kiếp này phải gặt quả ấy, làm thân người mù. Còn nghiệp lành do đức độ của vị tỳ khuru, đó là việc khác, nó sẽ trả quả lành chỗ khác, vào thời giờ khác khi có đủ duyên. Nhân sao quả vậy, không có việc gì bây giờ mà không do nhân lúc trước.

Trên kia ta đã đặt vấn đề chênh lệch giữa loài người. Có thuyết cho rằng sự chênh lệch đó là do ý định của một đấng thần nhân nào tạo ra. Có người lại cho là tại ý trời. Vậy trời phải chịu trách nhiệm tất cả việc gì xảy ra trên thế gian. Vua thì ở cung điện, anh lính canh thì đứng ngoài cổng, vậy ai tạo ra cảnh chênh lệch giữa một người nằm ngủ yên trong chăn ấm nệm êm và một người thức trường canh trong cảnh lạnh lùng sương gió? Tại sao có kẻ ở nhà cao cửa rộng, lại có kẻ ở nhà rách cột xiêu? Có phải chẳng cũng do ý định đoạt của một ông Trời toàn năng toàn thiện? Phật giáo không tin như vậy. Nếu có ai tin như vậy mà được an vui hạnh phúc thì cũng là một điều hay, riêng phần chúng tôi là Phật tử, chúng tôi không dám tin như thế được.

Không phải không tin có một ông Trời hay một đấng thần linh huyền bí nào khác mà không có tinh thần tôn giáo. Cả muôn ngàn người chen nhau đến bu quanh ngọc Xá Lợi hay đọc những câu kinh, vậy ngọc Xá Lợi và câu kinh có được hưởng danh dự của sự chiêm bái ngưỡng mộ không? Chính đó là tinh thần tôn giáo. Và lại bao nhiêu quốc gia và dân tộc ở châu Á đã trưởng thành dưới bóng nhà Phật. Vậy không nên ngộ nhận rằng khi ta không tin nơi một đấng thiêng liêng huyền bí nào là ta không có tinh thần tôn giáo.

Dân tộc Nhật Bản là dân tộc hiếu chiến và ưa sùng thượng. Cách đây hơn năm mươi năm ở cựu đô Kyoto có một ngôi chùa lớn nhưng đã cũ, thiện tín muốn sửa lại ngôi chùa thay mấy cây cột gỗ to phải dùng dây đôi lớn. Thay vì dùng dây đôi gai, đôi bó có bán sẵn ngoài phố, và mặc dù người đàn bà Nhật quý trọng đầu tóc của họ, họ tình nguyện cắt tóc dài của họ đánh thành 30 đường đôi, mỗi đường dài 30 thước, bề kính gần 1 tấc. Hiện giờ 30 đường đôi ấy còn được cất kỹ trong một cái thùng bằng bạc để kỷ niệm. Câu chuyện này chứng tỏ rằng dẫu không tin nơi một ông Trời hay một đấng Thiêng Liêng huyền bí nào, người theo Phật giáo vẫn có một tinh thần tôn giáo mạnh mẽ.

Giờ đây ta lại trở về vấn đề chênh lệch lúc nãy và thử xem khoa học giải thích như thế nào.

Ông Julien Huxley, một nhà sinh lý học người nước Anh có tiếng đã viết: “Trong thân thể con người có những genes (là những cực vi tế bào trong tinh tử do đó mà giống cha truyền qua cho con gọi là định luật truyền thống), do

những genes này mà cha truyền qua cho con màu sắc, cao thấp, mập ốm, thọ yếu...” Tất cả những sự di truyền đều do đó mà ra, đó là phần thể xác. Về phần tinh thần thật khó lòng giải thích được cùng chăng là chỉ một phần nhỏ, hoặc vài trường hợp lẻ tẻ, không cho phép dựng lên một định luật vững chắc. Nếu không vậy, làm sao hiểu được con cái cùng một khí bẩm cha mẹ, cho đến trẻ sanh đôi, sanh ba lại khác tính nhau? Ta phải nhìn nhận rằng các ý niệm khoa học về vấn đề này hiện còn trong vòng giả thuyết. Ta không thể căn cứ trên những ước đoán để tìm hiểu sự khác biệt giữa chúng sanh. Khoa học vẫn chưa giải thích được sự chênh lệch tinh thần như tính tình, trí tuệ giữa anh em cùng một cha mẹ, hoặc giữa những trẻ sanh đôi. Khoa học cũng không giải thích được chắc chắn tại sao trong một gia đình lương thiện, hiền từ qua mấy đời, bỗng nhiên lại sanh một đứa con có tánh sát nhân, hoặc trong trường hợp một đứa con hiền lại sanh trong gia đình xưa nay tàn ác.

Vậy truyền thống và thân cận không giải thích được chỗ âm u sâu xa của vấn đề chênh lệch chúng sanh.

Phật giáo cũng nhìn nhận có phần ảnh hưởng của truyền thống và thân cận, nhưng cho rằng không đủ. Phật giáo căn cứ trên định luật nghiệp để chứng giải hằng hà sa số dị đồng trong toàn thể chúng sanh. Nghiệp tức là tổng hợp tất cả hành động trong dĩ vãng cho hiện tại và trong hiện tại cho vị lai. Chính chúng ta phải lãnh phần trách nhiệm về những hành động và tư tưởng của chúng ta trong quá khứ để lãnh phần an vui hay đau khổ. Chính chúng ta tạo cái tương ai của

chúng ta mà chúng ta gọi là số mạng. Nói tóm lại, nghiệp nào quả nấy, chính do hành động và tư tưởng của chúng ta mà chúng ta tạo nên nghiệp chúng ta vậy. Trong trường hợp 2 đứa nhỏ sinh đôi, tuy cùng một bả́m thụ của cha mẹ sanh ra và cùng được nuôi dưỡng trong một hoàn cảnh như nhau, nhưng chỉ vì cái nghiệp của chúng mỗi đứa mỗi riêng cho nên tinh thần, tình cảm, trí tuệ phải khác.

Vậy do 3 yếu tố ảnh hưởng mà tạo ra sự chênh lệch nói trên là truyền thống, hoàn cảnh, xã hội, nhưng kỳ nguyên là do nghiệp.

Thuở đức Phật còn tại tiền, có thầy Bà la môn tên là Toddeya giàu có lớn mà tánh rất hà tiện. Toddeya có một người con trai tên là Subha. Ông dạy con không bao giờ bố thí cho ai một vật gì và luôn luôn phải tích trữ tiền của. Ông thường nói với con “Con hãy xem con ong, mỗi lần nó đi hút mật là chỉ hút được rất ít, mà nó không nản chí, nhưng nhờ lâu ngày tổ ong to ra và đầy mật. Kìa xem con mối, nó tha từ hột đất, mà ăn về lâu nó đắp thành ổ to. Vậy con nên bắt chước ong và mối”. Subha nghe lời cha bảo và làm y theo. Một ít lâu sau anh trở nên giàu có. Nhưng trên đời này cái gì là vĩnh viễn? Một ngày nào đây ta sẽ rời bỏ cõi đời này mà đi với hai bàn tay không. Sau khi ta chết, con cái, thân bằng ta chỉ có đến khóc than bên cạnh một mộ đất lạnh rồi thôi. Thậm chí đến cái xác thân này mà ta cho là ta, là của ta, ta cũng phải bỏ nó lại như cái áo rách! Và trong giây phút cuối cùng, nếu lòng ta còn luyến ái cõi đời với tất cả cái gì vật chất ta đã tạo thì ta sẽ trở lại giữ nó nữa. Mà trở lại cách nào?

Trường hợp này đã xảy ra cho ông Toddeya. Lúc ông sắp lâm chung, tư tưởng và cảm giác cuối cùng của ông là luyện tiệp của cái sự nghiệp của ông, nên ông tái sinh trở lại trong nhà của ông. Và vì trọn đời ông, ông không làm được điều lành nào, nên ông tái sinh trở lại nhà ông làm con chó để giữ nhà, giữ của nữa.

Đến đây ta có thể đặt ra câu hỏi: tại sao người có thể tái sinh làm thú? Theo thuyết tiến hóa muôn loài của Darwin (Evolution des especes) thì trong loài sinh vật có sự tiến triển từ hạ đẳng lên trung đẳng và thượng đẳng, nhưng Darwin không đề cập đến tinh thần, đến phần mà ta gọi là “thức”. Nói rằng người chết rồi có thể tái sinh làm thú là không đúng, không phải người thành thú nhưng chỉ cái nghiệp của người nó chuyển từ người qua thú, từ xác người qua xác thú. Xác người hay xác thú chỉ là cái lột hữu hình của hai cõi thú và người trong lục đạo, trong 31 cảnh. Lục đạo là sáu lối đường nhất định trong kiếp luân hồi mà ta phải vào trong một, khi ta bỏ xác người của ta: cõi trời, cõi người, cõi Atula, súc sanh, Peta (ngạ quỷ) và khổ cảnh (địa ngục). Mà tái sinh vào lại vào một trong sáu cõi đó, không phải chỉ ở thế giới này không mà cũng có thể trên muôn ngàn thế giới Sa bà khác. Tái sinh vào một trong sáu cõi đó, không phải là một đẳng thần linh nào ngoài ta, trên ta tự ý chỉ định, mà do nơi cái nghiệp của ta, và do nghiệp ta mà thôi. Và nghiệp của ta là do ta tạo nó ra.

Vậy nghiệp chuyển từ người qua thú như trường hợp của ông nhà giàu Toddeya là do ông tạo sự kiện ấy. Có thể

nghiệp ta chuyển qua máy cối kia, cũng có thể, nhất định do nơi ta.

Thí dụ như bóng đèn điện ta trông thấy trước mắt ta đỏ, ánh sáng phát ra kia cho thị quan ta thấy là hiện tượng trở ra bề ngoài, nhưng cái nguyên do làm cho đèn cháy và có ánh sáng là một luồng điện vô hình. Nếu cũng luồng điện đó mà ta gắn vào quạt máy, thì cánh quạt quay thành động lực; lại nữa, nếu ta gắn vào bàn ủi hay máy sưởi thì sanh ra sức nóng; ta lại gắn vào tủ lạnh thì sanh ra hơi lạnh. Thế thì cùng một luồng điện vô hình có thể trở sanh ra ánh sáng, động lực, sức nóng, hơi lạnh... Không phải cái bóng đèn hồi nãy thành cây quạt, quạt trở thành bàn ủi, máy sưởi hay tủ lạnh, các vật này chỉ là bao nhiêu hình thức hữu hình do một vật vô hình cho phát hiện ra, là luồng điện. Cùng một thể đó, không phải người trở thành thú, hay chư thiên, hay nga quỷ... mà chính là cái luồng nghiệp vô hình tạo ra như luồng điện kia đã tạo nhiều vật khác như vậy.

Cái nghiệp của ông Toddeya, ông đã tạo ra nó như thế nào do hành động và tư tưởng của ông, bôn sên, say mê của cái như thế nào mà trong chấp tư tưởng chót của ông, ông không thoát khỏi cái ham mê luyện ai tài của đã dính hẳn trong tâm thức ông, kết quả là ông tái sanh làm con chó nhà ông để giữ cửa cho ông. Subha, người con trai của ông cùng con chó này lắm: săn sóc, nuôi dưỡng, kỹ lưỡng, tận tâm. Một hôm, đức Phật đi ngang trước cổng nhà Subha trong lúc anh ta đi vắng, con chó chạy vồ sủa. Đức Phật thông hiểu hết sự tình nên kêu chó và nói: “Này Toddeya, vì trọn kiếp trước

mi không làm một điều lành nào, nên nay mi đã trở thành như vậy, thương hại cho mi!”. Chó nghe liền xụ xuống, cúi đầu đi vô nhà, xuống nằm khoanh trong bếp. Khi Subha về nghe thuật lại câu chuyện thì tức giận lắm, đến hỏi đức Phật tại sao dám kêu chó bằng tên cha của anh, lại dám nói cho đó là cha anh lúc trước. Đức Phật chậm rãi hiền từ giảng dứt anh và nói: “Này Subha, khi cha ngươi mất, có căn dặn lại ngươi gì về của cải để lại cho ngươi không?” – “Bạch Ngài có. Nhưng trước kia tôi thường nghe cha tôi nói có sắm một xâu chuỗi ngọc quý giá, một đôi hài và một bộ chén bằng vàng, mà sao tôi tìm mãi không thấy trong nhà, không biết cha tôi có chôn giấu nơi nào không?”. Đức Phật bảo: “Ngươi về nhà súc một bồn cơm cá thật ngon, thật nhiều kêu cho chó ăn. Nó ăn xong nó sẽ kiếm chỗ ngủ, khi nó thiu thiu, ngươi khe khẽ kêu và nói: này cha thân yêu, còn mấy món đồ kia cha để đâu? Subha làm y lời Phật dạy. Quả thật khi nghe Subha hỏi, chó bèn trỗi dậy chạy ra gốc vườn, lấy cẳng moi, khi đào lên ngay đó thì có đủ các món đồ chôn ở đó. Lòng mừng rỡ, Subha chạy đến lễ tạ đức Phật.

Đức Phật thường giảng rằng: Tất cả chúng sanh đều có cái nghiệp riêng của mình, nghiệp ấy phần lớn do mình tạo ra trong bao kiếp trước mình mang theo từ lúc thọ thai ra làm người, một phần cũng do mình tạo ra trong kiếp này. Tiền nghiệp là mình phải lãnh, mà hiện nghiệp thì mình hoàn toàn tự do chuyển nó như thế nào tùy mình. Rồi khi mình lâm chung đi tái sanh nơi khác cũng không ngoài lục đạo trong vòng 31 cảnh, hoặc trở lại cõi người cũng trong đó mình sẽ mang theo cái tiền nghiệp gia thêm hiện nghiệp để nối thành

hậu nghiệp. Cứ vậy mãi mãi. Luồng nghiệp từ từ trong thời gian nở dần theo hành động và tư tưởng của mình. Chính do cái bản chất của nghiệp nó chi phối lối đường tái sinh trong lục đạo, và cũng chính do cái bản chất ấy của nghiệp mà tạo ra bao điều chênh lệch tinh thần cũng như vật chất trong chúng sanh.

Ta không thể coi vật sở hữu ta nắm là của ta; ta không thể coi con ta là của ta; chí đến cái bản thân ta đây cũng không thuộc quyền ta làm chủ. Vạn vật đều không phải của ta, chỉ có cái nghiệp là chính của ta mà thôi. Chính tự tâm ta tạo ra nó, ta có đủ tự do chuyển nó như thế nào tùy ta, quyền cho nó nặng nhẹ, tròn méo, mất còn cũng do trọn nơi ta, vì nghiệp tạo nên bởi hành động tư tưởng của ta là do tâm ta hoàn toàn làm chủ.

Ta thừa hưởng của cha mẹ hình thể vật chất do truyền thống vật chất. Tinh trùng của cha hợp với minh châu của mẹ cấu tạo thành bào thai là một hóa hợp vật chất. Nhưng chưa đủ để thành một sanh linh. Cần một yếu tố thứ ba, mà là yếu tố cần thiết, thiếu không được: ấy là tâm thức hay thần thức, là cái năng lực vô hình của nghiệp, đưa hơi sanh khí vào tế bào cấu tạo mới nảy nở bào thai được. Nghiệp là yếu tố nhân, cần thiết cho sự thọ thai. Trong lúc ấy bao nhiêu khuynh hướng tích trữ trong tiền nghiệp của chúng sanh đã cấu tạo từ bao kiếp trong quá khứ sẽ đóng một vai trò tối quan trọng về đặc tính thể chất và tinh thần của bào thai. Một phần tế bào truyền thống của cha mẹ cũng bị chi phối.

Đức Phật cũng như mọi chúng sanh, lúc tái sanh đã thọ hưởng hai yếu tố tinh trùng, minh châu và bầm thụ của cha mẹ. Nhưng về mặt thể chất của tinh thần đạo hạnh thì không ai trong hoàng tộc của Ngài có được như Ngài. Chính đức Phật đã nói rằng Ngài không phải thuộc dòng giống vua chúa mà là thuộc dòng giống Arya của chư Phật. Ngài là bậc xuất chúng siêu phàm, sanh ra bởi những kết quả siêu thế của cái nghiệp mà Ngài đã lâu dài tạo ra trong vô lượng kiếp trước.

Đức Phật nói nhân sao thì quả vậy. Thí dụ: kẻ sát sanh tức là cắt đứt, thâm ngăn đời sống của sanh linh, thì trong một kiếp sau người ấy phải bị đau khổ, hoặc đời sống của mình sẽ bị cắt đứt. Ta gieo hạt tốt ta sẽ gặt trái tốt. Nếu trong đời ta có cứu sống sanh linh thì trong một kiếp sau ta sẽ được an vui, tuổi thọ. Nếu ai đã tạo cái nhân bằng cách cho người khác đau ốm bệnh hoạn, tức sẽ gặt cái quả bị bệnh hoạn, đau khổ. Ai đã săn sóc dưỡng nuôi người đau khổ tật nguyên sẽ được cái yên vui khỏe mạnh. Đui, mù, câm, điếc, ngu độn, tối tăm, thầy đều do tiền nghiệp mình phải thanh toán, nhưng trong kiếp này mình có tự do chuyên nghiệp mình về chỗ sáng sủa thì quả sau sẽ được sáng sủa. Cái chênh lệch giữa kẻ hèn người sang, kẻ khổ người sung sướng cũng là do nhân ở tiền nghiệp mà ra. Giờ đây, nếu ta không luận việc xa xôi về nhân và quả mà xét việc gần ta là trong kiếp này cũng vậy. Một người bòn xén, quơ quào, vét bóc không lỗi một xu cho ai, tức người ấy đã do nhân đó mà ra cái quả là tạo chung quanh mình một không khí người hèn kẻ phụ, khó thở cho mình. Ngược lại, người có tâm bác ái, thương xót kẻ khác bất hạnh

hơn mình, kể cả người trên hơn, đầy đủ hơn, mình cũng một lòng giúp đỡ thương yêu, không oán, không ti, tức người ấy đã tạo ra quả đẹp được một không khí thuận hòa yên vui bao bọc mình, người người đều thương, chớ không phải người người đều ghét. Ngân quả đi liền nhau trong thực tế hiện tại.

Phần nghiệp trước đã nặng, tự nhiên phải bị cái nặng hút vào, nghiệp trước nhẹ tất nhiên là hút vào cái nhẹ. Định luật tự nhiên chi phối như một định luật vật lý, dầu muốn dầu không. Sức hút ấy là do bản chất nghiệp. Tâm ta phải luôn luôn mở rộng, xả đi tất cả mọi vật. Khi ta hưởng nghiệp tốt, có được trong tay những quyền hay những vật, ta hãy nguyện xả ra cho kẻ cần dùng, lại cũng nguyện cho kẻ đó làm được như ta, xả chuyển cho kẻ khác nữa. Nếu nhân tốt trước kia khiến ta kiếp này sanh ra đầy đủ, ta phải niệm rằng ta không nên coi ta là người giữ cảnh ấy cho ta, mà trái lại nó là phương tiện cho ta tạo lần nhân tốt nữa, để lần lần đến chỗ thường lạc, yên vui và siêu thoát.

Cũng tiếp theo việc luận gần trong hiện tại, ta cũng có dịp chứng kiến ngay cái quả do nhân. Ta thường gặp chung quanh ta hạng người tánh hay giận dữ, quạu quọ, tánh ấy làm cho mặt mày họ xấu xí, trông đến khó chịu. Khi ta nổi cơn giận, tất nhiên mặt ta đỏ sặc, hoặc đỏ, hoặc tái, hoặc xanh... Tánh nóng nảy giận dữ ăn về lâu, sẽ cho ta một dáng điệu quái dị, làm cho ai trong đến là phát góm ghiếc, mà cái quả hiện tại này là chưa mấy. Ta chớ quên rằng tất cả cái gì ta làm, tư tưởng, ta cảm là đã in khấn vào dòng nghiệp của ta. Tánh giận dữ nóng nảy cũng in vào nghiệp ta sẽ mang theo

về những kiếp sau kia. Có người ngay lúc cha mẹ sanh ra là có một bộ mặt cau có, khó thương. Đó chẳng qua là do nghiệp trước đã tạo trong một kiếp người hay giận dỗi, phẫn nộ, quạu quọ. Ai cũng biết, dòng máu châu lưu trong thân ta là để nuôi ta sống, nhưng trong lúc ta giận, dòng máu ấy là thuốc độc, đầu độc cả thân và tâm ta. Ở Tích Lan có câu phương ngôn: “Giận mau già” nghĩ cũng chí lý.

Trái lại, cũng dòng máu đó, mà nếu châu lưu trong thân người có tâm thanh và tịnh là dòng nước cam lộ, đượm huân da thịt, thấm ra bên ngoài cho ta một diện mạo tươi tắn, vui vẻ, thản nhiên, làm cho tướng đi bộ, đứng khoan thai dịu dàng, có cái đẹp của cây cỏ mùa xuân, có cái mát mẻ, trong trẻo của dòng suối mùa hạ. Người mà trong lòng chứa chan từ bi bác ái, yên tĩnh như nước trong hồ, không một tí nào chao động, thân người ấy là một tiêu điểm tia ra bao nhiêu thoảng gió mát nhẹ nhàng, làm cho người chung quanh cảm thấy mình cũng được nhẹ nhàng mát mẻ. Ai cũng còn nhớ đoạn truyện: một hôm khi đức Phật trở về nhà, con của Ngài là Rahula đi theo sau cha và thoát thỏ thẻ rằng: “Thưa cha, không biết sao mà cái bóng của cha làm con mát mẻ vô cùng”. Đó chứng tỏ mãnh lực của lòng từ bi bác ái như thế nào. Khoa học cũng nhìn nhận rằng cái kích động vì giận dỗi tam bành làm ta già cỗi sớm, tâm trí bình thản thương yêu lại kéo dài đời sống.

Nhưng tâm trạng bình thản thanh tịnh, lòng từ bi bác ái là do ta tập luyện nó mới ra, tập luyện bằng hành động. Tích cực hành động là duy tha, thương xót vạn vật sanh linh,

luôn luôn xả cái ta để tế độ kẻ khác. Tiêu cực hành động là chịu đựng nghịch cảnh với một lòng thương yêu hi xả mãi mãi.

Kinh có chép truyện một vị A la hán, một hôm ông đi đến một đám đông người hung dữ đang tụ tập. Có người cản lại không cho ông đi tới và nói rằng đám người ấy hung tợn lắm, lỡ họ chạm đến ông rồi sao? Ông trả lời: tôi sẽ nói: - Lành thay! Lành thay! Tôi nói như vậy không lý họ đánh tôi.

- Nhưng nếu ông nói như vậy mà họ vẫn đánh ông thì làm sao?
- Tôi sẽ nói: Lành thay! Lành thay! Không lẽ họ đâm tôi
- Nhưng dẫu vậy họ cũng đâm ông thì làm sao
- Tôi sẽ nói: Lành thay! Lành thay! Không lẽ họ giết tôi
- Nhưng nếu họ giết ông thì làm sao?

Vị A la hán chậm rãi trả lời: “Nếu được như vậy là được điều tôi mong mỏi, được sớm cởi bỏ cái thân ô trược này”.

Kinh cũng có chép: một hôm có người Bà la môn tánh nét cộc cằn, gặp đức Phật, đem đức Phật về nhà rồi dùng đủ lời thô bỉ mắng nhiếc thậm tệ. Đức Phật thản nhiên hỏi người Bà la môn: “Ông có khi nào mời khách đến nhà dùng cơm không?”

- Có
- Lúc khách đến thì ông làm sao?

- Tôi sẽ làm cơm dọn lên mời khách
- Nếu ông mời khách đến dùng cơm mà khách không đến thì ông làm sao?
- Tôi và vợ con tôi phải ăn chớ sao

Đức Phật bèn phán rằng: Như vậy thì ông mời ta đến nhà để chửi bới ta, mà ta không hay biết sự chửi bới đó rồi sao?

Đó là gương kiên nhẫn chịu đựng.

Một truyện nữa: Ngày nọ đại đức Xá Lợi Phất đang đi trì bình, bị một người Bà la môn ác ý xô té. Tự nhiên như nhiên, đại đức không giận chút nào. Trái lại, khi có đám người gần đó thấy vậy, muốn lại hành hung người Bà la môn thì đại đức không cho. Chẳng những không giận mà lại dong tha. Đẹp thay! Khen đẹp là ta khen vì ta còn đứng trong vị trí so sánh của ta là chỗ ngã chấp, chớ đối với những bậc đã chứng quả rồi như các vị A la hán hay chư Phật thì các Ngài không còn hay rằng cử chỉ ấy là đẹp là cao nữa. Nó đã thành một cái gì tự nhiên và chính các Ngài cũng không hay thái độ như vậy là có một giá nào, mà có được nó cũng không do một cố gắng, ráng sức hoặc hy sinh nào cả. Đức hạnh và chứng quả là mức trở thành của các Ngài, đạt thành được là các Ngài không còn cảm giác như ta nữa; phi thiện, phi ác vì đã phi ngã và tâm sở dẫu còn tác động trong từ bi hỷ xả, nhưng đã chấm dứt hết nghiệp căn rồi. Vài mẫu truyện trên đây chỉ cho ta thấy rõ ràng nghiệp tốt kiếp này là do tiền nghiệp nở ra. Rồi hiện nghiệp tùy ta khéo chuyển nó về nẻo lành do tâm được luyện lành, ắt hậu nghiệp sẽ tốt luôn. Lý nghiệp báo là

một định luật tự nhiên như định luật vật lý. Như điện lực đã có sẵn trong vũ trụ, đủ điều kiện tức nó phát sanh. Từ vĩnh kiếp trong quá khứ nó vẫn âm thầm chuyển vận tự nhiên. Khi đã tạo nó ra tùy ý người thêm độ lên, bớt độ xuống, chuyển nó về đâu nó sẽ đi về đó, hoặc dứt hẳn luồng chảy nó đi, thay đều do ta vậy.

Nghiệp lại cũng có thể ví như một dòng sông trường lưu bất tức. Mỗi hành động, mỗi tư tưởng của ta, dầu muốn dầu không đều như những phân tử nước ta rót vào dòng sông ấy. Ta rót trong, sông sẽ trong, ta rót đục, sông sẽ đục. Sông càng chảy, nước càng nhiều, hành động và tư tưởng ta càng thêm, nghiệp càng đầy dẫy. Người theo giáo lý của đức Phật nhận thức rõ ràng lý nhân lý quả, quá khứ chi phối vị lai, hiện tại kiếp này là cơ hội chuyển lần từ đục ra trong, từ dày ra mỏng cái nghiệp của mình, làm thế nào cho ngay đời mình hoặc vào độ tái sanh tới sẽ được phần nào sáng suốt hơn, yên vui hơn, do tâm được từ bi hỷ xả hơn, để lần lần đi đến chỗ sông được trong, nước được cạn, dứt dòng được dòng nghiệp, là mức cuối cùng.

Nhưng, người theo lời Phật dạy phải nhớ: Lý nhân quả Phật đã vạch ra cho, dòng nghiệp nằm trong nhân quả. Phật là người chỉ đường cho ta, đi cùng không đến, tiến cùng thoái, bước ra khỏi chỗ âm u đau khổ để đến chỗ thoát ly, cùng không bước, tất cả những điều này là chuyện riêng của mỗi người.

Nghiệp ta là của riêng ta, nó chỉ do ta. Đức Phật đau thương xót ta cũng không làm gì hơn được cho ta, nếu ta không tự làm cho ta vậy.

Hết